

ĐẠI VIỆT ÂM

Phần I - Nguyên Tác

Đại Việt vinh quang nhất thế giới
Như con em Tổ công Tông đức mãi lưu danh
Nào những ngày Nông phục – Phiên bình
Lại những thuở cầm Hồ đoạt sáo
Nhạc bình Ngô, ca Quỳnh Uyển dập dìu
Vàng chày, bạc sinh, gió tơ, mưa lúa
Cờ Vạn Thắng, công thái bình
Hội rồng mây, cơ hiển thánh
Cực võ công, văn trị cảnh vinh quang
Há một ngày nên được nghiệp vương hoàng
Bao gan nát óc lầy, đan thanh hàng huyết lệ
Thuở Hồng Bàng rẽ nước rạch hoang
Vận nhiều nhượng năm gai nếm mật
Thái Tổ nhân như trời đất
Thái Tông trị độ trời vàng
Dám khoe khoang công giá huy hoàng
Trước xã miếu hãy ứng dương Tông Tổ
Vạn ngôn thư
Thất trăm số
Chúc Hưng Đạo
Sử Lê Hư
Khốc quỷ thần oanh liệt khí xung tiêu
Lòng sáng thư ấy bao nhiêu lao khổ
Cành Nam chim đỗ
Ma Việt người thà
Nhẽ tam thế hy sinh là quốc phổ
Như con em gặng gỏi rạn non sông
Vinh quang muôn thuở Tiên Rồng.

Phần II - Chú Giải

A. Giải Nghĩa Những Câu Chữ Khó

Đại Việt âm: Âm thanh, tiếng nói, lời thơ, điệu nhạc phổ lên từ lòng dân tộc Đại Việt.

Như: Có nghĩa như lời nhắn nhủ, nhắc nhở con em nhớ đến công đức Tổ tiên.

Nông phục: Bình phục giặc họ Nùng tức Nùng Tồn Phúc, con là Nùng Trí Cao (thời Lý Thái Tông 1038). Nùng Tồn Phúc làm phản, từ châu Quảng Yên (Lạng Sơn) nổi dậy xưng đế. Vua Lý Thái Tông thân chinh dẹp loạn.

Phiên bình: Bình định ngoài biên trấn.

Cầm Hồ: Bắt giặc Hồ (trận Hàm Tử Quan) Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô.

Đoạt sáo: Cướp giáo giặc (trận Chương Dương) Trần Quang Khải khôi phục Thăng Long.

Nhạc bình Ngô: Sau 10 năm kháng chiến, Lê Lợi đại phá quân Minh, Nguyễn Trãi viết bài "Bình Ngô Đại cáo" ban bố chính nghĩa khắp thiên hạ, mở ra hội thái bình.

Ca Quỳnh Uyển: (Quỳnh Uyển cửu ca) Lê Hồng Đức một thời thái bình thịnh trị nhất thế giới.

Công thái bình: Những công trình xây dựng nên thời thái bình.

Cờ Vạn thắng: Cờ vua Đinh tiên Hoàng. Ở đây có ý nói về quân sự đánh đâu được đấy.

Hội rồng mây: Cơ hội tốt đẹp như rồng gặp mây.

Cơ hiển thánh: Thời cơ thái bình do những bậc vua thánh tôi hiền thịnh trị.

Gan nát óc lầy: Những vật thể để hy sinh vì lòng yêu nước để tạo nên những dòng sử huyết lệ son xanh.

Công giá: Giá trị của những công cán.

Ứng dương? Đường? Có lẽ là ứng dương: Nhắc con cháu hãy nên biểu dương công đức của Tổ tiên.

Vạn ngôn thư: Lá thư vạn chữ do Lê Cảnh Trân viết gửi bạn bè là Bùi Bá Kỳ (tay sai của quân Minh giữ chức tham nghị trong chính quyền đô hộ) đòi lập con cháu nhà Trần, ông bị bắt giam vào ngục cùng với con là Thái Diên, năm sau hai cha con đều bị chết trong ngục (*Toàn Thư* quyển 9, trang 19).

Thất trảm sớ: Sớ tâu vua đề nghị chém đầu bảy kẻ gian thần của Chu Văn An thời hậu Trần 1358.

Chúc Hưng Đạo: Hưng Đạo Vương làm quan đến đời vua Anh Tông thì xin về

trí sĩ ở Vạn Kiếp. Khi ngài sắp mất, vua Anh Tôn ngự giá đến thăm có hỏi rằng: “*Thượng phụ một mai khuất núi phỏng có quân Bắc lại sang thì làm thế nào?*” Hưng Đạo vương tâu vua một số mưu lược phòng chống giặc Bắc. Những mưu lược đó gọi là “Di cơ hay di mưu”. Ở đây tác giả viết là “*Chúc Hưng Đạo*” cũng là những mưu lược đó.

Sử Lê Hữu: Sử gia đầu tiên của Việt Nam là ông Lê Văn Hữu đã hoàn thành bộ Đại Việt sử gồm 30 quyển vào năm 1272.

Khốc quỷ thần oanh liệt: do câu *quỷ khốc thần kinh*.

Khí xung tiêu: Khí xông thẳng lên tới trời, cũng như nơi cao nhất trời.

Sáng thư: Những sáng tác phẩm như vừa kể trên.

Ma Việt người thà: Tích Trần Bình Trọng khi bị giặc bắt, địch dụ dỗ cho làm vua, ông đã khảng khái nói “*Thà làm ma nước Nam không thềm làm vua đất Bắc*”

Lễ Tam thế hy sinh: Ba đời: Dĩ vãng - hiện tại - tương lai. Đời nọ hy sinh cho đời kia.

Quốc phổ: Như quốc phả tức lịch sử của nước. Ý nói sự hy sinh đời nọ cho đời kia đã tạo nên lịch sử.

Như: Có lẽ như chữ “nhủ” đã giải ở trên.

B. Đại Ý Tổng Quát

Để ca tụng công đức tiền nhân đã có công mở nước, dựng nước, cứu nước giữ nòi, xây dựng văn minh Việt nên những trang sử huy hoàng cho dân tộc.

Biểu dương công đức Tổ Tiên, khuyến khích tinh thần và nhiệm vụ nối trước mở sau của con cháu giống nòi.

C. Ý Nghĩa Chi Tiết

Nước Đại Việt có những thời vinh quang nhất thế giới do công đức của tổ tông dành lại từ ngàn xưa, nào là những ngày dẹp giặc Nùng, bình định ngoài biên trấn, lại những buổi bắt giặc Hồ ở trận Hàm Tử Quan, cũng như lúc cướp giáo giặc ở trận Chương Dương. Mười năm chống quân Minh, ban bố bài “*Bình Ngô Đại Cáo*”. Đến ngày thái bình thịnh trị mà tượng trưng là nơi vườn Quỳnh vang điệu nhạc “cửu ca”. Thuở ấy nước mạnh dân giàu, nền kinh tế quốc dân thật dồi dào: vàng chảy, bạc sinh, *gió thuận tốt tươi, mưa*

nhuần tốt lúa. Về quân sự: Cờ Vạn Thắng là biểu dương đánh đầu thắng đó; Những thành công trong việc xây dựng thái bình, gặp nhiều cơ may như rồng mây gặp hội. Các bậc vua thánh, tôi hiền bằng vũ công văn trị đem đến cảnh vinh quang cho giống nòi Đại Việt. Đầu phải một ngày mà dựng nên được sự nghiệp vương hoàng. Phải mất bao nhiêu lớp người đã hy sinh gan nát, óc lầy để tạo nên nét vàng son, viết nên trang sử huy hoàng bằng máu lệ ấy. Từ thuở Hồng Bàng rẽ nước rạch hoang trải nhiều phen nằm gai nếm mật mới dựng nên được cơ đồ như ngày nay.

Đức Thái Tổ nhân như trời đất: Đức Thái Tông với nền văn minh thịnh trị độ với vàng son muôn phần rực rỡ. Con cháu đầu dám khoe công cán gì. Đến trước xã miếu chiêm bái, phải nghĩ làm thế nào để nêu cao gương sáng của sự nghiệp Tổ Tông.

Những tinh thần sáng tạo như: Lá thư vạn chữ - Tờ số thất trăm - Lời di chúc Hưng Đạo - Pho Sử Ký Lê Hữu. Những hy sinh công đức kia đã làm cho quí phải khóc thần phải sợ. Cái khí oanh liệt xông lên đến tận trời cao. Lòng sáng tác ấy biết bao nhiêu lao tâm khổ trí. Lại nữa, cái tinh thần thương quê nhớ nước như cảnh "*Cành Nam chim đậu*", tinh thần bất khuất như lời "*Ma Việt người thà*". Trong lễ nối tiếp hy sinh đời nọ cho đời kia để tạo nên trang quốc phả vẻ vang.

Nhấn nhủ con cháu chúng ta hãy cố gắng làm cho rạng rỡ non sông. Cho vinh quang muôn thuở nòi giống Tiên Rồng.

D. Bình Luận

Bài này nếu nhìn về mặt thơ thì không tìm được những nét hứng thú trong vần điệu của một áng thơ hay. Nhưng nhìn về khía cạnh lịch sử thì thấy tác giả đã khéo thâm thái được những nét chính trong *hồn sử Việt*. Đúng là những nét vàng son máu và nước mắt. Đọc lên thấy rung động cõi lòng như vắng nghe những lời thánh ca đồng vọng, nó khơi dậy tinh thần dân tộc một cách rất hùng hồn.

Phụ chú:

Cửu Ca

Theo Từ Nguyên: Cửu ca là nhạc ca có từ thời ông Vũ. Trong Tả Truyện: Hòa, Kim, thổ, cốc gọi là lục phủ. Chính đức, Lợi dụng và Hậu sinh gọi là tam sự. Lục phủ + tam sự = cửu công. Đức của cửu công đều đáng ca ngợi gọi là cửu ca.

Trong Sở Từ, cửu ca do Khuất Nguyên sáng tác. Khuất Nguyên làm ra cửu ca theo tục người Nam sinh ở nước Sở tin thờ quí nên việc thờ cúng đều có nhạc.

Xét về Cửu Ca¹ gồm có mười một thiên như sau: 1) Đông Hoàng Thái Nhất.

¹ Khuất Nguyên 屈原 (khoảng 340-278 TCN), tên là Bình, tự là Nguyên, người nước Sở thời Chiến quốc. Ông vốn là một quý tộc nước Sở với nhiều ước vọng về chính trị, nhưng gặp nhiều trắc trở trên con đường quan lộ, lại chứng kiến cảnh quốc gia lâm vào cảnh suy tàn mà bất lực. Khuất Nguyên có thể nói là nhà thơ vĩ đại nhất của Trung Quốc cổ đại. Thơ của ông đã trở thành chuẩn mực cho thơ cổ phong Trung Quốc.

Việc dịch thơ Khuất Nguyên gặp khá nhiều khó khăn do tác phẩm của ông được viết bằng Sở ngữ nên rất khó đoán được nghĩa gốc.

Chúng tôi xin được giới thiệu những bài hay nhất trong chùm Cửu ca của Khuất Nguyên đã được dịch. Đây là những bài thơ được sử dụng trong tế tự.

ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

Cát nhật hề thìn lương,
Mục tương du hề thượng hoàng.
Phủ trường kiếm hề ngọc nhị,
Cầu thương minh hề lâm lang.
Dao tịch hề ngọc chấn,
Hạp tương bả hề quỳnh phương.
Huệ hào chưng hề lan tạ,
Điện quế tửu hề tiêu tương.
Dương phu hề phụ cổ,
Sơ hoãn tiết hề an ca,
Trần vu sắt hề hạp xướng.
Linh yển kiến hề giáo phục,
Phương phi phi hề mãn đường.
Ngũ âm phân hề phồn hội,
Quân hân hân hề lạc kang.

Bản dịch của Đào Duy Anh

Gió lành chừ ngày tốt
Hớn hử chừ đón ngài
Vỗ gươm dài chừ cán đeo ngọc
Ngọc lạnh canh chừ ánh sáng ngài
Chiếu cỏ dao chừ trấn bằng ngọc
Sao chẳng cầm chừ cành quỳnh tươi
Bọc huệ chừ đồ nấu
Lót lan chừ mâm xôi
Rượu quế chừ dâng cúng
Rung trống chừ múa dùi
Khoan nhịp chừ điệu hát
Khèn đàn chừ hoà vui
Bóng mặc đẹp chừ múa dẻo
Hương đầy nhà chừ phơ phơ
Năm cung bậc chừ hợp điệu
Ngài hân hoan chừ tươi cười.

VÂN TRUNG QUÂN

Dục lan thang hề mộc phương,
Hoa thái y hề nhược anh.
Linh liên quyền hề ký lưu,
Lạn châu châu hề vị ương.
Kiển tương đạm hề thọ cung,
Dữ nhật nguyệt hề tề quang.
Long giá hề để phục,
Liêu ngao du hề chu chương.

Linh hoàng hoàng hề ký giáng,
Tiêu viễn cử hề vân trung.
Lãm Ký Châu hề hữu dư,
Hoành tứ hải hề yên cùng.

Tư phu quân hề thái tức,
Cực lao tâm hề sung sung.

Bản dịch của Đào Duy Anh

Tắm thang lan a gội hương
Mặc tươi sáng a y thường
Bóng uốn lượn a đã đến
Sáng rực rỡ a vô cương
Bền yên vui a nhà tắm
Cùng nhật nguyệt a đồng quang
Áo ngũ sắc a ngôi long giá
Bay chu du a khắp bốn phương

Ngài huy hoàng a đã giáng
Bông vạt lên a lưng chùng
Xem Ký Châu a chưa đủ
Dạo bốn biển a khôn xong

Tưởng nhớ ngài a than thờ
Lòng thốn thức a phập phồng.

ĐÔNG QUÂN

Thôn tương xuất hề đông phương,
Chiếu ngô hạm hề phù tang;
Phủ dư mã hề an khu,
Dạ hạo hạo hề ký minh;
Giá long chu hề thừa lô,
Tải vân kỳ hề uỷ xà;
Trường thái tức hề tương thượng,
Tâm đề hồi hề cố hoại;
Khương thanh sắc hề ngu nhân,
Quan giả đạm hề vong quy;

Hăng sắt hề giao cổ,
Tiêu chung hề dao vi;

Minh trì hề xuy vu,
Tư linh bảo hề hiền khoa;
Tuyên phi hề thủy tăng,
Triển thi hề hội vũ;
Ứng luật hề hợp tiết,
Linh chi lai hề tộ nhật;

Thanh vân y hề bạch nghề thường,
Cử trường thi hề xạ Thiên Lang;
Thao dư hồ hề phản luân giáng,
Viện Bắc Đẩu hề chước quế tương;
Soạn dư bí hề cao đà tường,
Điều minh minh hề dĩ đông hành.

(Bài này để tụng khi tế mặt trời).

Bản dịch của Đào Duy Anh

Hứng sắp lên a ở phương đông
Soi lan can ta a cây phù tang
Ta thẳng ngựa a đi đâu nhỉ?
Đêm dần dần a đã sáng choang
Cỡi xe rồng a sấm vang
Chờ chờ mây a lượn phớt
Than thở dài a lên xe
Lòng bồi hồi a ngoạn lại
Tiếng hay cùng a sắc đẹp
Người xem vui a mãi quên

Gày đàn a đánh trống
Lay giá a chuông rền
Rúc sáo a thổi kèn
Nghĩ bóng a xinh đẹp
Nhẹ nhõm a thúy bay
Hát lên a múa nhịp
Cung thương a hợp điệu
Ngài tới a huy hoàng

Áo mây xanh a xiêm ráng bạc
Phóng tên dài a bắn Thiên Lang
Cầm Bắc Đẩu a rót rượu nồng
Dóng dây cương a ta cao tuổi
Trời mịt mù a trở lại đông.

SƠN QUÝ

Nhược hữu nhân hề sơn chi a,
Bị bệ lệ hề đới nữ la.
Ký hàm thê hề hựu nghi tiếu,
Tử mộ dư hề thiện yếu điệu.
Thừa xích báo hề tông văn lý,
Tân di xa hề kết quế kỳ.
Bị thạch lan hề đới đồ hành,

Chiết phương hình hễ di sở tư.
Dư xứ u hoàng hễ chung bất kiến thiên,
Lộ hiểm nan hễ độc hậu lai.
Biểu độc lập hễ sơn chi thượng,
Vân dung dung hễ nhi tại hạ.
Điều minh minh hễ khương trú hối,
Đông phong phiêu hễ thần linh vũ.
Lưu linh tu hễ đảm vong quy,
Tuế ký yển hễ thực hoa dư?
Thái tam tú hễ ư sơn gian,
Thạch lỗi lỗi hễ cát mạn mạn.
Oán công tử hễ trưởng vong quy,
Quân tư ngã hễ bất đắc nhàn.
Sơn trung nhân hễ phương đồ nhược,
Âm thạch tuyền hễ âm tùng bách.
Quân tư ngã hễ nhiên nghi tác.
Lôi điền điền hễ vũ minh minh,
Viên thu thu hễ hựu dạ minh.
Phong táp táp hễ mộc tiêu tiêu,
Tư công tử hễ đồ ly ưu.

Bản dịch của Phạm Thị Hảo

Dường như có người trên góc núi
Khoác cỏ thơm, lưng thắt dây tơ
Mắt ngóng nhìn, cười mỉm như mơ
Dáng thiết tha, dịu dàng, xinh đẹp
Xe tân di dùng bảo đồ kéo
Cờ ngọc quế dắt chồn hoa theo
Mũi xe lan buộc đai đỏ hạnh
Tìm hoa thơm hái tặng bạn tình
Chốn thâm sâu, trời mây chẳng thấy
Đường gập ghềnh, ta tới trễ chẳng?
Đứng lặng một mình nơi đầu núi
Phía bên kia, mây kéo giăng hàng
Ban ngày mà âm u mù mịt
Gió đồng táp, mưa rơi nặng hạt
Ngóng đợi chàng, quên cả chuyện về
Hồng nhan tàn, tươi lại được sao?
Hái linh chi bên bờ khe suối
Đá lờm chờm, rậm rì cây cối
Oán bạn lòng quên cả chuyện về
Chàng nhớ ta nhưng chẳng rảnh chẳng?
Người trong núi khác nào cỏ thơm
Ẩn bóng tùng, uống nước suối trong
Lòng nhớ chàng, một mình lặng lẽ
Phải vì chàng nghi hoặc ta chẳng?
Tiếng sấm rền, mưa mù u ám
Vượn hú đêm, náo nức tiếng kêu
Gió rì rào, lá cây xào xạc
Nhớ bạn lòng, luống những bi thương.

2) Vân trung quân. 3) Tương quân. 4) Tương phu nhân. 5) Đại tư mệnh. 6) Thiên tư mệnh. 7) Đông quân. 8) Hà bá. 9) Sơn quỉ. 10) Quốc thương. 11) Lê hồn.

QUỐC THƯƠNG

Thao ngô qua hề bị tê giáp,
Xa thác cốc hề đoàn binh tiếp.
Tinh tế nhật hề địch nhược vân,
Thi giao truy hề sĩ tranh tiên.
Lãng dư trận hề liệt dư hàng,
Tả tham ế hề hữu nhận thương.
Mai lưỡng luân hề trập tứ mã,
Viện ngọc phu hề kích minh cổ.
Thiên thì đối hề uy linh nộ,
Nghiêm sát tận hề khí nguyên dã.
Xuất bất nhập hề vãng bất phản,
Bình nguyên hốt hề lộ siêu viễn.
Đới trường kiếm hề hiệp tần cung,
Thủ thân ly hề tâm bất trừng.
Thành ký dũng hề hựu dĩ vũ,
Chung cương cường hề bất khả lẳng.
Thân ký tử hề thần dĩ linh,
Hồn phách nghị hề vi quỷ hùng.

Bản dịch của Nguyễn Đức Vân

Khiên nắm vững da tê mặc áo
Xe tung hoành gươm giáo chạm tay
Cờ rợp bóng, giặc như mây
Quân giành lên trước, tên bay rào rào
Vượt hàng ngũ ào ào xông miết
Ngựa hai bên một chết một thương
Năm dùi đánh trống âm vang
Xe chôn hai bánh, ngựa rành bốn con
Trời ảm đạm mây dồn gió giục
Rợn rùng ghê quỷ khóc thần gào
Đầy đồng xác chết chông cao
Giết phẳng không sót móng nào được tha
Bao chiến sĩ có ra không lại
Chồn sa trường vùi vùi xa xôi
Cấp cung lớn, vác gươm dài
Đầu dù lia xác không rời lòng son
Đã hùng mạnh lại còn oai vệ
Tính cương cường ai dễ khinh mà
Chết rồi thân vẫn không nhoà
Phách hồn rấn rỏi làm ma anh hùng.

Nguồn cước chú: <https://bookhunterclub.com/cuu-ca-cua-khuat-nguyen-nhung-bai-hay-nhat/>